BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên ()		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)	CAD/CAM - CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)									Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		2																	
		3															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		4															Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		
		5																	
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)	Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)									Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)
		7													Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)			
		8											CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)
		9											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)
		10																Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)
Thứ 3 22/04	Sáng	1		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)	CAD/CAM - CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.106)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.106)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.302)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		2											Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.104)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.104)					
		3													CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.106)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.106)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)
		4											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.104)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.104)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.106)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.106)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)
		5											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.106)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.106)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.302)	
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)	Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)						Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)									
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 23/04	Sáng	1		SCADA- Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)						Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.106)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.106)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)
		2																	
		3											Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.106)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.106)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		4													Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		5																	
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)	SCADA- Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)						Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)									
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)	CAD/CAM - CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)									HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)		HĐHNTN 12_2 ()
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)			Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hoà trên xe ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRON - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)					
		7													Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)	
		8											CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
		9											Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	
		10											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)			
Thứ 6 25/04	Sáng	1		Tự động hóa quá trình sản xuất Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)										Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		2															CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		3															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
		4															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		5																	
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)			Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hoà trên xe ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRON - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)			HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1															Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		2															CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		3															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
		4															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		5																	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
	Chiều	6											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)	
		7																	
		8											CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
		9													Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)			
		10											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)			
Chủ nhật 27/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)			
		2				Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)			
		3	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)			
		4	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)			
		5					CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)								
	Chiều	6		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)										Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	
		7											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)		Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	
		8		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)								Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	
		9		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)		Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	
		10		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)				
Thứ 3 22/04	Sáng	1	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.302)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	
		2				CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	
		3	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.107)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	
		4	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.107)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	
		5	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.302)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 23/04	Sáng	1	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.302)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	
		2				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	
		3	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.107)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	
		4		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1	HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)		HĐHNTN 12_2 ()	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)				HĐHNTN 12_2 ()	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6					Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.303)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.303)	
		7		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.104)			Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.303)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.303)	
		8		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.101)			Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	
		9		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.101)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.101)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.303)	
		10							Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)						
Thứ 6 25/04	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)									Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)			
		2	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)					Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)								
		3	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)				Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			
		5																	
	Chiều	6		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)			HĐHNTN 12_2 ()	HĐHNTN 12_2 ()	HĐHNTN 12_2 ()			HĐHNTN 12_2 ()	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HĐHNTN 12_2 ()			HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên ()	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên ()	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		2	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)				CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)											
		3	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	
		5			CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)														
	Chiều	6		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)				
		7													Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)				
		8		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)				
		9													Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)				
		10							CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)				
Chủ nhật 27/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)			Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy ()	Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)				Quản lý dự án công nghệ thông tin Phan Hoàng Lan (H3.204.TH KHOA TIN)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	
		2		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)															
		3		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)														CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	
		4		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	
		5																	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Tiếng anh 4 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Kỹ thuật số Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.106_Khoa SP- KT)						
		7	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)														Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)
		8	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)														
		9	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)														
		10	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)														
Thứ 3 22/04	Sáng	1	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Tiếng anh 4 Nguyễn Hồng Yên (H3.208)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.107_CNTT)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)					Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	
		2		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)															
		3	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)													Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		4	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.107)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)													Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	
		5		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)															
	Chiều	6				Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.101)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Tiếng anh 4 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)		Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hường (H3.101)				Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)		
		7																	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 23/04	Sáng	1	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Tiếng anh 4 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Lập trình PLC Trần Văn Kiên (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Xử lý bảng tính Trần Việt Anh (TV_THI TN03)				Quản lý dự án công nghệ thông tin Phan Hoàng Lan (H3.204.TH KHOA TIN)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		2	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	
		3	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)													Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	
		4		Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)														Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		5																	
	Chiều	6				Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)		Tiếng anh 4 Triệu Văn Dũng (H3.103)							Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	
		7																	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1			HĐHNTN 12_2 ()	Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán máy Bùi Thu Trang ()	Xử lý bảng tính Trần Việt Anh (TV_THI TN03)				Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.104)				Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)									Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	
		7		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.104)															
		8	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)															
		9		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)															
		10	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)																
Thứ 6 25/04	Sáng	1			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)				Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		2																Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		3			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)													Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)	
		4			Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)														
		5																Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
	Chiều	6	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HĐHNTN 12_2 ()		Lập trình PLC Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)			Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)			Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)							
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)														CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		2																Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		3		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)	
		4		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)															
		5																Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	
	Chiều	6	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)														
		7			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)														
		8	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)														
		9			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)														
		10	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)														
Chủ nhật 27/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Bùi Công Kết (X22.307)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Lưu Quang Hưng (X22.309)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.204)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)		
		2	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
		3	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)															
		4																	
		5	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
	Chiều	6	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)					Trang bị điện Ng Hồng Thao ()		Điều khiển khí nén- thủy lực Nguyễn Văn Tĩnh ()			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)				Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 22/04	Sáng	1	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba ()			Hệ thống máy lạnh dân dụng Lưu Quang Hưng (X22.309)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.204)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)		
		2	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)															
		3	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
		4	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)															
		5																	
	Chiều	6	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)					Trang bị điện Ng Hồng Thao ()		Điều khiển khí nén- thủy lực Nguyễn Văn Tĩnh ()			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)				Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 23/04	Sáng	1	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba ()			Hệ thống máy lạnh dân dụng Lưu Quang Hưng (X22.309)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.204)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)		
		2																	
		3	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		4	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
		5																	
	Chiều	6	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)					Trang bị điện Ng Hồng Thao ()		Điều khiển khí nén- thủy lực Nguyễn Văn Tĩnh ()							Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba ()		Ktra: Hệ thống máy lạnh dân dụng-1-2-2024(N01) Đặng Duy Thanh (...)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Lưu Quang Hưng (X22.309)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.204)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.103)		
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)					Trang bị điện Ng Hồng Thao ()		Điều khiển khí nén- thủy lực Nguyễn Văn Tĩnh ()							Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 25/04	Sáng	1	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba ()					Ktra: Lập trình C cho vi điều khiển-1-2-2024(N02) Phạm Ngọc Ánh (...)		
		2																	
		3	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		4																	
		5	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
	Chiều	6		Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.308.Phòng học Đo lường)					Trang bị điện Ng Hồng Thao ()		Điều khiển khí nén- thủy lực Nguyễn Văn Tĩnh ()								Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		2																	
		3	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		4																	
		5	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 27/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)
		2					CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)												
		3	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)
		4	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)								CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		5											CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
	Chiều	6	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.06_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)			Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Phan Thanh Đạt ()			Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo ()	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 22/04	Sáng	1	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)
		2						CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)								Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)		Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)
		3	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)						
		4	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyên (H5.407)				Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)
		5															CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)
	Chiều	6	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)				Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)					Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo ()	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 23/04	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Ktra: Sửa chữa bộ nguồn máy tính-1-2-2024(N01) Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)
		2	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)												
		3	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)					Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)
		4	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)
		5																	
	Chiều	6	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.06_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)			Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng ()	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.06_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)				HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.06_Xưởng TH Khoa Cơ khí)			Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)			Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Thị Hường ()	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng ()		SQL Server Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 25/04	Sáng	1	CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Kế toán máy Trần Việt Anh ()		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)
		2	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																
		3	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		4					CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		5	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)
	Chiều	6	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)			Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()			Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Phan Thanh Đạt ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.302_TH QTM)		Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng ()		SQL Server Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1	CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Phan Thanh Đạt ()	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)
		2	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																
		3	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)				Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		4					CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		5	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)				Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)
	Chiều	6				Hàn MIG/MAG Lê Văn Nam ()				Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()								
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 27/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên ()	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)		
		2	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)			Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)					
		3									Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)					
		4	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)					
		5					CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)						
	Chiều	6					Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảng tính điện tử Phùng Thị Minh Phương (H3.110_TH THCB)	Công nghệ đa phương tiện Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Ktra: Công nghệ đa phương tiện-1-2-2024(N04) Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)						Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.109)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 22/04	Sáng	1	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	
		2	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)															
		3	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)					
		4	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)					
		5					Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)											
	Chiều	6			Photoshop Phùng Thị Minh Phương ()		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Công nghệ đa phương tiện Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)						Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.109)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 23/04	Sáng	1	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên ()	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	
		2							Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)					
		3	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)								
		4							Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)					
		5																	
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)	Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.110_TH THCB)	Photoshop Phùng Thị Minh Phương ()	Thiết kế mạng LAN Lê Hoàng ()	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Thiết kế trình diễn trên máy tính Đỗ Viết Tuấn (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.204_PHLT Khoa CK)				Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.109)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiện (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)	Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)	Photoshop Phùng Thị Minh Phương ()	Thiết kế mạng LAN Lê Hoàng ()					Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Thiết kế trình diễn trên máy tính Đỗ Viết Tuấn (H2.102_TH Tin Ứng dụng)				Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.109)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 25/04	Sáng	1	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiện (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	
		2																	
		3	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)					
		4	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)					CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)					
		5	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)					
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)	Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)		Thiết kế mạng LAN Lê Hoàng ()	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)					Văn bản pháp qui Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Đỗ Viết Tuấn (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiện (X10.204_PHLT Khoa CK)		Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.109)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)				
		2																	
		3	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)					
		4	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)					CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)					
		5					Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)					
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 27/04	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCCT2	64LCĐC2	64LCĐC3	64LCĐL1	64LCĐT1	64LCĐT2	64LCGK2	64LCHA1	64LCKT2	64LCLĐ1	64LCLG2	64LCMT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1	Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)														
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Phân tích và thiết kế HTTT(UML) Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)												
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 22/04	Sáng	1	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)														
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Quản trị kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Phân tích và thiết kế HTTT(UML) Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)												
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 23/04	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)												
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H3.203_TH Máy tính)												
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCCT2	64LCĐC2	64LCĐC3	64LCĐL1	64LCĐT1	64LCĐT2	64LCGK2	64LCHA1	64LCKT2	64LCLĐ1	64LCLG2	64LCMT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1	Thuế Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Tiếng Nhật (H3.103)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)														
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6				Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H3.203_TH Máy tính)												
		7			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()														
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 25/04	Sáng	1			Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)		Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)												
		2		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)															
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)												
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1						Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục quốc phòng và an ninh Nguyễn Văn Thành (X22.301.LTCM)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6						Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục quốc phòng và an ninh Nguyễn Văn Thành (X22.301.LTCM)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 27/04	Sáng	1						Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục quốc phòng và an ninh Nguyễn Văn Thành (X22.301.LTCM)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (X22.303.LTCM)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6						Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục quốc phòng và an ninh Nguyễn Văn Thành (X22.301.LTCM)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (X22.303.LTCM)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			64LCQM1	64LCS1	64LCTT1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 21/04	Sáng	1					Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Điện tử cơ bản Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Hệ quản trị CSDL Access Tạ Ngọc Dũng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	
		3								Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)									
		4																Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	
		5																	
	Chiều	6					CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N06) Cao Thị Thu (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N07) Phạm Quang Thắng (...)			Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)
		7						Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)
		8					CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		9					Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)				Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)				Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)
		10					Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)				Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)				
Thứ 3 22/04	Sáng	1					Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)			Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Điện tử cơ bản Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)		Hệ quản trị CSDL Access Tạ Ngọc Dũng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6					Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N06) Cao Thị Thu (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N07) Phạm Quang Thắng (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7					Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)				CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)								Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)
		8						Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)			CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		9					CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)					Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)
		10						CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)							CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)				
Thứ 4 23/04	Sáng	1					Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)				Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Điện tử cơ bản Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)		Hệ quản trị CSDL Access Tạ Ngọc Dũng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6					Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N06) Cao Thị Thu (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N07) Phạm Quang Thắng (...)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)
		7					Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)						Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		
		8						Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)		CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)
		9					Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)					Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)		
		10							Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)				CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)

LỚP			64LCQM1	64LCS1	64LCTT1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 24/04	Sáng	1						Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường ()			Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Kỹ thuật cảm biến Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Điện tử cơ bản Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)		Tiếng anh chuyên ngành Phan Hoàng Lan (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6					Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.108)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N06) Cao Thị Thu (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N07) Phạm Quang Thắng (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)		Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7						Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)							
		8					Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)				Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)					Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		9						Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)
		10					Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)					Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)					CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		
Thứ 6 25/04	Sáng	1							Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	**LĐ (Phòng CTHSSV)**	**LĐ (Phòng CTHSSV)**					Ktra: Vật liệu-1-2-2024(N02) Nguyễn Chí Thành (...)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Tiếng anh chuyên ngành Phan Hoàng Lan (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																	
		3																Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	
		4																	
		5																	
	Chiều	6					HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N06) Cao Thị Thu (...) Kỹ thuật cảm biến-1-2-2024(N07) Phạm Quang Thắng (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 26/04	Sáng	1	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)													
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)		Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7						Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)											
		8					Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		9					Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)
		10					Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)						CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		
Chủ nhật 27/04	Sáng	1	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)													
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.107_CNTT)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)													
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 2 21/04	Sáng	1	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.206_Khoa SP-KT)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.205_Khoa SP-KT)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Tiếng anh chuyên ngành Võ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2							Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)					Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			
		3			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)				Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)						
		4												Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)			
		5															
	Chiều	6	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học R0 bốt Công nghiệp)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	An toán lao động Cao Thị Minh (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Tuấn Hưng (H3.108_CNTT)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)
		7		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		
		8	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		9				Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)			CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		10					CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)						Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				
Thứ 3 22/04	Sáng	1	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)						Quản trị học Nguyễn Hồng Hạnh (H3.207)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Tuấn Hưng (H3.108_CNTT)	Hệ quản trị CSDL Access Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Kinh tế vĩ mô Bùi Thu Trang ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học R0 bốt Công nghiệp)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	An toán lao động Cao Thị Minh (H3.105_Khoa SP- KT)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Tuấn Hưng (H3.108_CNTT)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)
		7								Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)
		8	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)			CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)
		9	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)			CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)							Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)
		10		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)			CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)			CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)					
Thứ 4 23/04	Sáng	1	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)			An toán lao động Cao Thị Minh (H3.207)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Hệ quản trị CSDL Access Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học R0 bốt Công nghiệp)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)
		7	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)			Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)							Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)				
		8	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)
		9	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)							CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)
		10		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)				

LỚP			64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 5 24/04	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (X22.104)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)			An toàn lao động Cao Thị Minh (H3.205_Khoa SP-KT)		Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)
		7		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)											Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		
		8	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		9		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)						CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)		
		10	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)						Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)			Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)
Thứ 6 25/04	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (X22.104)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Quản trị học Nguyễn Hồng Hạnh (H3.106_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)		Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	
		2															
		3							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			
		4												Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)			
		5															
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 7 26/04	Sáng	1															
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)
		7		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)													
		8	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)
		9		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)						Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		10	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)						Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)
Chủ nhật 27/04	Sáng	1															
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6															
		7															
		8															
		9															
		10															

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 15: Từ 21/04 Đến 27/04/2025

LỚP			64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 2 21/04	Sáng	1	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.207)	Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Ktra: Mạng máy tính-1-2-2024(N11) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Máy điện nâng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)					Kinh tế chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)		Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Nguồn một chiều Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Tiếng anh chuyên ngành Bùi Thị Len ()				
		7	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)								
		8	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)										
		9		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		10				Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)											
Thứ 3 22/04	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)	Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Máy điện nâng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)						Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)		Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Nguồn một chiều Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Tiếng anh chuyên ngành Bùi Thị Len ()				
		7		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)											
		8	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
		9		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		10	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)				CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)										
Thứ 4 23/04	Sáng	1	Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-2-2024(N01) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Máy điện nâng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)					Kinh tế chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	CCĐ Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)		Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Nguồn một chiều Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Tiếng anh chuyên ngành Bùi Thị Len ()				
		7				Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)											
		8	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCĐ Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		9	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)										
		10	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)				CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)								

LỚP			64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 5 24/04	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Máy điện năng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)					Kinh tế chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)		Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Nguồn một chiều Hoàng Quyết Tiến (X22.101)		Phay CNC Bùi Thị Len ()			
		7	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)										
		8	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
		9	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)			Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		10	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
Thứ 6 25/04	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N08) Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N08) Tạ Văn Khoa (H3.108_CNTT)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.207)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.208)						Kinh tế chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)		Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Nguồn một chiều Hoàng Quyết Tiến (X22.101)		Phay CNC Bùi Thị Len ()			
		7															
		8															
		9															
		10															
Thứ 7 26/04	Sáng	1									Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Nguồn một chiều Hoàng Quyết Tiến (X22.101)		Phay CNC Bùi Thị Len ()			
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)					Phay CNC Bùi Thị Len ()			
		7	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)										
		8	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
		9	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		10	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
Chủ nhật 27/04	Sáng	1												Phay CNC Bùi Thị Len ()			
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6												Phay CNC Bùi Thị Len ()			
		7															
		8															
		9															
		10															